

BẢN TIN TUẦN

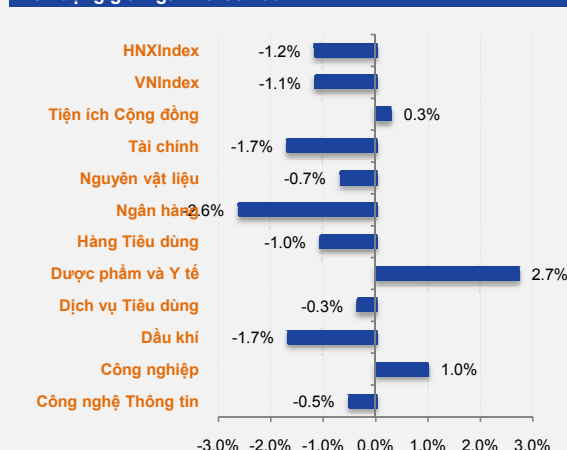
Tuần GD từ: 3/3/2014 - 3/7/2014

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	579.8	↓ -1.1%	82.2	↓ -1.2%
KLGD (trCP)	673.1	↓ -11.9%	389.2	↓ -13.0%
GTGD (tỷ VND)	10,520.6	↓ -19.4%	3,682.4	↓ -13.2%
Tổng cung (trCP)	1,000.8	↓ -28.6%	620.8	↓ -6.4%
Tổng cầu (trCP)	1,041.6	↓ -29.7%	596.9	↓ -10.1%

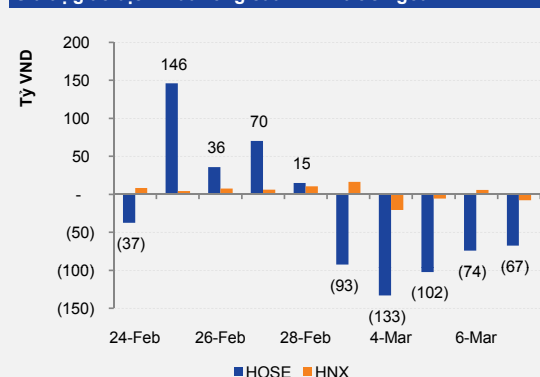
Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	26.88	↓ -25.8%	7.45	↑ 39%
KL bán (trCP)	50.59	↑ 58.5%	7.40	↑ 157%
GT mua (tỷ VND)	866.1	↓ -35.6%	83.56	↑ 12%
GT bán (tỷ VND)	1,335.8	↑ 19.7%	95.76	↑ 151%

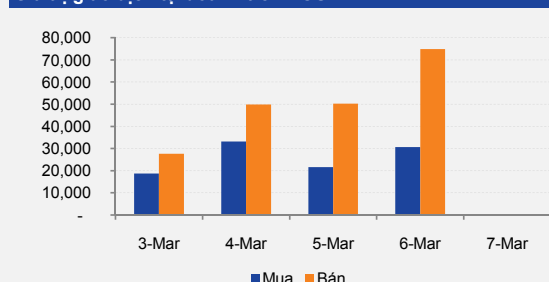
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Giá trị giao dịch tự doanh trên HOSE



THỊ TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH KHI TIẾP CẬN VÙNG KHÁNG CỰ - NGUỖNG HỖ TRỢ 565 ĐIỂM VỚI VN-INDEX, 78 ĐIỂM VỚI HNX-INDEX

Kinh tế vĩ mô

- Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 2/2014 - chỉ đạo tập trung giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản - giảm lãi suất - thúc đẩy tăng trưởng tín dụng

- Căng thẳng tại Ukraine - NĐTNN bán ròng - chủ yếu từ FTSE ETF

- FTSE ETF công bố kết quả review danh mục Q1.2014 - không thêm mã nào - loại SBT - không thay đổi tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục

Thị trường chứng khoán

- Thị trường ghi nhận tuần điều chỉnh giảm điểm khi tăng đến ngưỡng cản kỹ thuật

- Dòng tiền thận trọng với nhóm cổ phiếu thuộc danh mục quỹ ETF. Nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ ngoài danh mục ETF tăng giá khá mạnh

- NĐTNN bán ròng trên cả hai sàn. Áp lực bán ròng mạnh hơn tại sàn HOSE, phần lớn áp lực cung đến từ quỹ FTSE ETF

Phân tích kỹ thuật

- Chỉ số VN-Index giảm điểm đầu tuần, tăng điểm trở lại về cuối tuần, phản ứng với mốc hỗ trợ 565 điểm

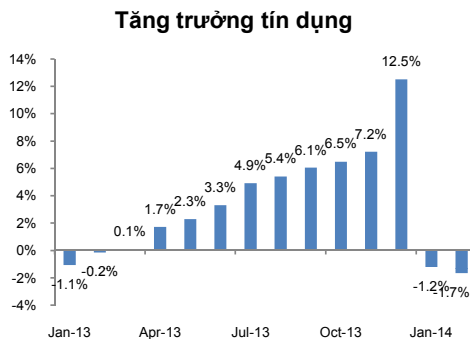
- Chỉ số HNX-Index giảm mạnh đầu tuần, tăng điểm trở lại về cuối tuần, phản ứng với đường MA20

Nhận định: Chỉ số VN-Index đang trong xu hướng điều chỉnh giảm khi tiến đến ngưỡng cản kỹ thuật 600 điểm. VN-Index đã tăng điểm trở lại khi tiếp cận mốc hỗ trợ 565 điểm, kiểm định thành công mốc hỗ trợ này lần thứ 2 liên tiếp. Tại sàn HNX, chỉ số HNX-Index cũng trong xu hướng điều chỉnh giảm khi tiến đến ngưỡng cản kỹ thuật khoảng 84 điểm. HNX-Index đã tăng điểm trở lại về nửa cuối tuần, khi tiếp cận ngưỡng hỗ trợ của đường MA20, thiết lập mức đáy cao hơn giai đoạn điều chỉnh ngày 20/2 trước đó. Lực cầu bắt đáy có xu hướng cải thiện dần về nửa cuối tuần. Tuy nhiên dòng tiền có xu hướng thận trọng với nhóm cổ phiếu thuộc danh mục quỹ ETF, khi kỳ tái cơ cấu danh mục của quỹ này đang đến gần. Nhóm cổ phiếu penny và midcap thu hút nhà đầu tư, đặc biệt là nhóm cổ phiếu nhỏ thuộc ngành BDS.

Hôm nay quỹ FTSE ETF đã công bố kết quả tái cơ cấu danh mục Q1.2014, không thêm cổ phiếu, loại cổ phiếu SBT, không thay đổi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu trong danh mục. Động thái tái cơ cấu danh mục của quỹ FTSE ETF do vậy dự báo không tác động nhiều đến thị trường chung. Tuy nhiên nhà đầu tư dự báo vẫn sẽ thận trọng chờ đợi kết quả tái cơ cấu của quỹ VNM, được đánh giá sẽ ảnh hưởng nhiều hơn đến thị trường.

Chúng tôi duy trì quan điểm thị trường cần thời gian điều chỉnh tích lũy trước khi vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật khoảng 595-600 điểm đối với VN-Index, 83-84 điểm đối với HNX-Index, đặc biệt khi kỳ reveal của hai quỹ ETF đang đến gần. Vùng hỗ trợ gần nhất của VN-Index là khoảng 560-565 điểm. Vùng hỗ trợ đối với HNX-Index là khoảng 78 điểm. Chúng tôi chưa có quan ngại về xu hướng thị trường trong trung dài hạn.

Nhà đầu tư trung dài hạn có thể xem xét tích lũy cổ phiếu Bluechips ở những phiên/thời điểm thị trường giảm mạnh. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn đã hạ tỷ trọng margin về mức an toàn, chúng tôi khuyến nghị chưa tham gia thị trường ở thời điểm hiện tại.

STT Thông tin cập nhật trong tuần
Quan điểm đánh giá của SHS
1 Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 2/2014 - chỉ đạo tập trung giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản - giảm lãi suất - thúc đẩy tăng trưởng tín dụng


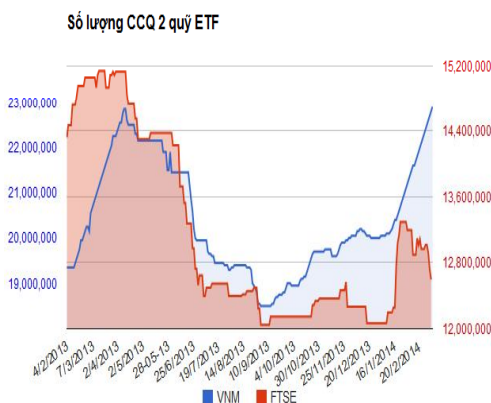
Nguồn: SBV
Số liệu lũy kế YTD

Trong phiên họp thường kỳ tháng 2/2014, Chính phủ đánh giá tích cực về nhiệm vụ kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thu hút vốn đầu tư và thu NSNN. Tuy nhiên, các thành viên Chính phủ cũng bày tỏ quan ngại về sức mua toàn nền kinh tế còn yếu, tăng trưởng tín dụng còn hạn chế. Chính phủ yêu cầu các bộ ban ngành 1/ tập trung giải ngân nhanh vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nhất là từ nguồn vốn NSNN; 2/ thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, tập trung vào những lĩnh vực ưu tiên, bảo đảm mục tiêu dư nợ tín dụng để ra phân bổ đều trong các tháng; 3/ tiếp tục tập trung xử lý hiệu quả nợ xấu của các TCTD và doanh nghiệp; 4/ phối hợp chặt chẽ trong điều hành chính sách tài khóa - tiền tệ, điều tiết lượng cung tiền hợp lý để kiểm soát lạm phát thấp hơn (khoảng 6%) trong năm 2014, tiếp tục hạ mặt bằng lãi suất để tạo thuận lợi cho phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh.

Tính đến ngày 20/2/2014, tín dụng toàn hệ thống các TCTD đối với nền kinh tế giảm 1.66% so với cuối năm 2013, trong đó, tín dụng bằng VND giảm 1.94%, tín dụng bằng ngoại tệ tăng 0.11%. Tăng trưởng tín dụng thường chậm vào thời điểm đầu năm, khi doanh nghiệp chưa vào guồng quay sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, dư nợ tín dụng giảm trong bối cảnh nền kinh tế đang dần thoát khỏi giai đoạn khó khăn nhất vẫn cho thấy tình trạng khó khăn của doanh nghiệp, khi sức mua toàn nền kinh tế yếu.

Theo Phó giám đốc NHNN Chi nhánh TP.HCM, để kích cầu tăng trưởng tín dụng, ngành ngân hàng sẽ tiếp tục triển khai nhiều gói kích cầu dòng chảy vốn, với lãi suất ưu đãi chỉ khoảng 6%/năm. Quy mô vốn của chương trình cho vay ưu đãi kết nối doanh nghiệp trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh năm 2014 tăng lên trên 20.000 tỷ đồng, thay vì chỉ có 13.000 tỷ đồng như năm qua. Bắt đầu từ quý II/2014, dự kiến các ngân hàng sẽ điều chỉnh, lãi suất có thể giảm thêm 1-2%.

Diễn biến nóng lên tại Ukraine đầu tuần vừa qua gây tác động khá mạnh đến TTCK toàn cầu, đặc biệt tại Nga và Châu Âu. Tại Việt Nam, TTCK cũng ghi nhận động thái bán ròng tron tuần liên tiếp tại sàn HOSE, với giá trị 469 tỷ đồng.

2 Căng thẳng tại Ukraine - NĐTNN bán ròng nhẹ


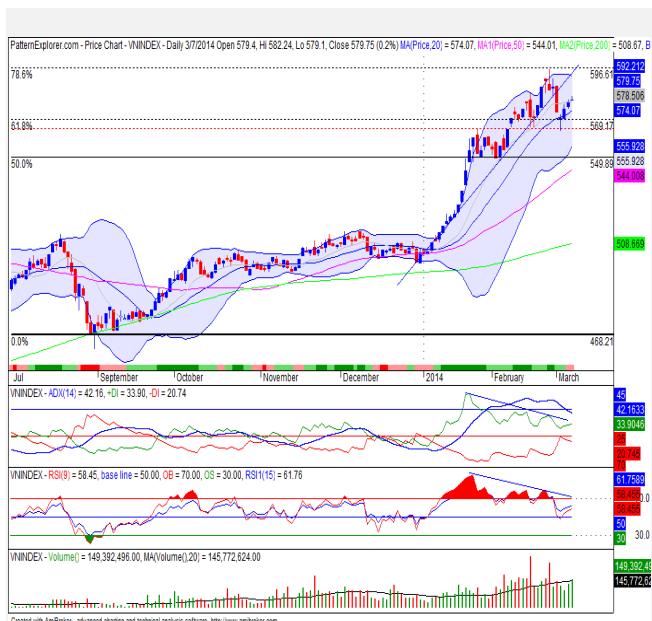
Nguồn: SHS Research

Khối lượng bán ra chiếm tỷ trọng lớn từ quỹ FTSE ETF thuộc Deutsche Bank, khi quỹ này hoạt động tại Châu Âu, khu vực còn khó khăn và chịu ảnh hưởng nhiều hơn từ tình hình Ukraine. Trong 3 ngày liên tiếp kể từ 3/3, khi vấn đề Ukraine bắt đầu nóng lên, quỹ FTSE ETF đã giảm 420 nghìn CCQ, với giá trị 11.9 triệu USD, tương đương 250 tỷ đồng. Quỹ VNM ETF hoạt động tại Mỹ vẫn tiếp tục chuỗi ngày tăng CCQ liên tiếp, từ đầu năm đã tăng 2.9 triệu CCQ.

Cuối giờ giao dịch hôm nay quỹ FTSE ETF đã công bố kết quả tái cơ cấu danh mục Q1.2014, trong đó không thêm mới cổ phiếu, loại ra cổ phiếu SBT, tỷ trọng đầu tư từng cổ phiếu trong danh mục không thay đổi. Theo danh mục quỹ FTSE ETF công bố ngày 28/2, cổ phiếu SBT chỉ chiếm 0.58% danh mục quỹ ETF, tương đương khoảng 2 triệu USD. Như vậy động thái tái cơ cấu danh mục lần này của FTSE không ảnh hưởng nhiều đến thị trường, và sẽ chịu tác động chủ yếu từ việc quỹ tăng/giảm số lượng CCQ.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Trung tính	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Trung tính	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index giảm điểm đầu tuần, tăng điểm trở lại về cuối tuần, phản ứng với mốc hỗ trợ 565 điểm.

- KLGD giảm 13% so phiên trước, khi xu hướng thận trọng trong giai đoạn điều chỉnh vẫn phổ biến.

- Chỉ số RSI14 theo đồ thị tuần giảm xuống mức 73 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho tín hiệu về xu hướng tăng.

Nhận định: Chỉ số VN-Index đang trong xu hướng điều chỉnh giảm khi tiến đến ngưỡng cản kỹ thuật 600 điểm. Chỉ số Index đã tăng điểm trở lại khi tiếp cận mốc hỗ trợ 565 điểm, kiểm định thành công mốc hỗ trợ này lần thứ 2 liên tiếp. Lực cầu bắt đáy có xu hướng cải thiện dần về nửa cuối tuần. Tuy nhiên dòng tiền có xu hướng thận trọng với nhóm cổ phiếu thuộc danh mục quỹ ETF, khi kỳ tái cơ cấu danh mục của quỹ này đang đến gần. Nhóm cổ phiếu penny và midcap thu hút khá lớn dòng tiền, đặc biệt là nhóm cổ phiếu nhỏ thuộc ngành BĐS.

Thị trường cần thời gian điều chỉnh tích lũy trước khi vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật 600 điểm, đặc biệt khi kỳ reveal của hai quỹ ETF đang đến gần. Vùng hỗ trợ gần nhất của VN-Index là khoảng 560-565 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật chưa cho tín hiệu xấu về xu hướng thị trường trong trung dài hạn.

Nhà đầu tư trung dài hạn có thể xem xét mua vào cổ phiếu Bluechips ở những phiên thị trường giảm mạnh. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn đã hạ tỷ trọng margin về mức an toàn, chúng tôi khuyến nghị chưa tham gia thị trường ở thời điểm hiện tại.

- Chỉ số HNX-Index giảm mạnh đầu tuần, tăng điểm trở lại về cuối tuần, phản ứng với đường MA20.

- KLGD giảm 12% so với phiên trước, khi xu hướng thận trọng trong giai đoạn điều chỉnh vẫn phổ biến.

- Chỉ số RSI14 theo đồ thị tuần giảm nhẹ xuống mức 86 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho tín hiệu về xu hướng tăng.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index đang trong xu hướng điều chỉnh giảm khi tiến đến ngưỡng cản kỹ thuật khoảng 84 điểm. Chỉ số Index đã tăng điểm trở lại về nửa cuối tuần, khi tiếp cận ngưỡng hỗ trợ của đường MA20, thiết lập mức đáy cao hơn giai đoạn điều chỉnh ngày 20/2 trước đó. Lực cầu bắt đáy có xu hướng cải thiện dần về nửa cuối tuần. Tuy nhiên dòng tiền có xu hướng thận trọng với nhóm cổ phiếu thuộc danh mục quỹ ETF, khi kỳ tái cơ cấu danh mục của quỹ này đang đến gần. Nhóm cổ phiếu penny và midcap thu hút khá lớn dòng tiền, đặc biệt là nhóm cổ phiếu nhỏ thuộc ngành BĐS.

Chúng tôi duy trì quan điểm thị trường cần thời gian điều chỉnh tích lũy trước khi vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật 600 điểm, đặc biệt khi kỳ reveal của hai quỹ ETF đang đến gần. Ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật của HNX-Index là khoảng 76-78 điểm. Chúng tôi chưa có quan ngại về xu hướng thị trường trong trung dài hạn.

Nhà đầu tư trung dài hạn có thể xem xét mua vào cổ phiếu Bluechips ở những phiên thị trường giảm mạnh. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn, tỷ trọng margin cao, nên hạ tỷ lệ margin, nhằm chủ động với xu hướng điều chỉnh của thị trường.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SD7	HNX	343.78	236.0%	4.7	47100.0%	760.25	-5.1%	7.97	142.4%	17.1%	2.87
2	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.20
3	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.11
4	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.08
5	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.56
6	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
7	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
8	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91
9	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	15.73
10	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	2.19

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	DHC	HOSE	135.56	26.0%	9.35	91.6%	454.35	33.3%	27.05	1165.0%	158.7%	1.12
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
4	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
5	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
6	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	49.00
7	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
8	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.22
9	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	5.15
10	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.51
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.99
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	29.86
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.57
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.65
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.57
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.65
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.40
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.94
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.19

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 05/03/2014



HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	EIB	822,710	KBC	10,475,120
2	ITC	763,160	HAG	6,045,600
3	DXG	755,730	ITA	5,115,610
4	SSI	514,630	VIC	658,070
5	STB	422,110	CTG	580,550

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PHH	461,600	VCG	840,520
2	SDH	405,900	SHB	832,300
3	APS	313,000	PGS	209,500
4	PVX	238,945	PLC	106,900
5	HOM	175,500	BVS	104,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	8.3	8.2	↓ -1.20%	46,821,900
FLC	12.4	13.5	↑ 8.87%	42,591,120
HAG	27.2	26.5	↓ -2.57%	28,351,000
SSI	25.8	26.2	↑ 1.55%	23,494,900
HQC	8.4	8.7	↑ 3.57%	20,394,290

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	9.3	9.3	→ 0.00%	55,614,612
PVX	4.6	4.6	→ 0.0%	49,030,389
SCR	9.4	9.0	↓ -4.26%	22,732,577
KLS	11.7	11.7	→ 0.00%	22,711,776
VCG	15.4	15.1	↓ -1.95%	22,020,309

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DTT	5.5	6.8	1.3	↑ 23.64%
TTF	8.9	11.0	2.1	↑ 23.60%
PXM	1.5	1.8	0.3	↑ 20.00%
ASP	7.3	8.6	1.3	↑ 17.81%
BSI	6.6	7.7	1.1	↑ 16.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KMT	4.0	6.2	2.2	↑ 55.00%
PXA	3.1	4.3	1.2	↑ 38.71%
SDC	9.2	12.6	3.4	↑ 36.96%
NAG	5.3	7.2	1.9	↑ 35.85%
VMC	16.0	21.0	5.0	↑ 31.25%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

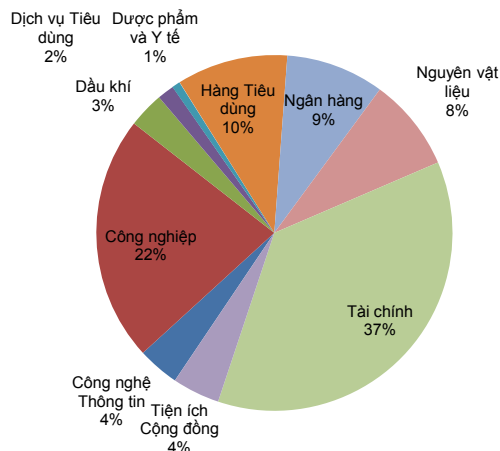
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LGC	17.0	14.1	-2.9	↓ -17.06%
ASIAGF	10.2	8.5	-1.7	↓ -16.67%
STT	3.2	2.8	-0.4	↓ -12.50%
VNG	7.1	6.3	-0.8	↓ -11.27%
VIS	10.0	8.9	-1.1	↓ -11.00%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
YBC	9.0	5.8	-3.2	↓ -35.56%
MHL	11.2	8.2	-3.0	↓ -26.79%
PMS	18.8	13.8	-5.0	↓ -26.60%
VTL	17.6	13.5	-4.1	↓ -23.30%
ALT	14.3	11.4	-2.9	↓ -20.28%

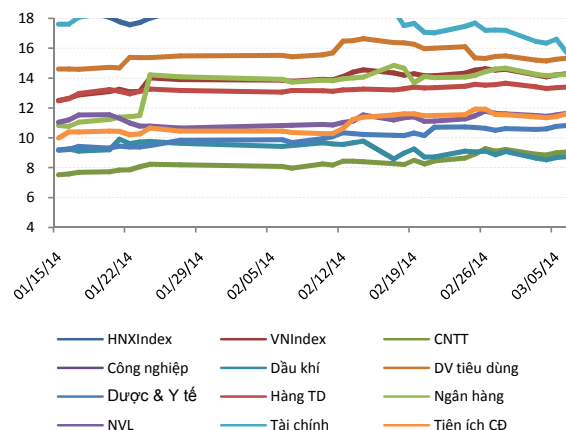
(*) Giá điều chỉnh

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Chuỗi PE ngành và thị trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	46,821,900	0.7%	73	111.6	0.8
FLC	42,591,120	7.9%	663	20.4	1.7
HAG	28,351,000	8.0%	1,372	19.3	1.5
SSI	23,494,900	8.0%	1,193	22.0	1.8
HQC	20,394,290	3.5%	376	23.1	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	55,614,612	7.6%	854	10.9	0.8
PVX	49,030,389	-115.4%	-5,275	-	2.3
SCR	22,732,577	0.4%	53	169.8	0.6
KLS	22,711,776	5.5%	716	16.3	0.9
VCG	22,020,309	10.0%	1,233	12.2	1.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DTT	↑ 23.6%	0.9%	121	56.3	0.5
TTF	↑ 23.6%	0.9%	112	98.4	0.9
PXM	↑ 20.0%	491.0%	-10,149	-	-0.2
ASP	↑ 17.8%	7.8%	885	9.7	0.7
BSI	↑ 16.7%	2.2%	175	44.0	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KMT	↑ 55.0%	1.7%	201	30.8	0.5
PXA	↑ 38.7%	-60.4%	-2,942	-	1.3
SDC	↑ 37.0%	8.5%	1,640	7.7	0.6
NAG	↑ 35.8%	0.7%	69	104.9	0.8
VMC	↑ 31.3%	5.0%	1,560	13.5	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	822,710	4.3%	535	26.0	1.2
ITC	763,160	-17.9%	-4,242	-	0.4
DXG	755,730	13.9%	1,518	10.7	1.9
SSI	514,630	8.0%	1,193	22.0	1.8
STB	422,110	14.5%	1,978	10.5	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PHH	461,600	0.3%	47	185.3	0.6
SDH	405,900	-8.1%	-611	-	0.8
APS	313,000	3.4%	285	18.6	0.6
PVX	238,945	-115.4%	-5,275	-	2.3
HOM	175,500	0.2%	24	338.8	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	158,233	40.8%	6,535	12.8	4.7
VNM	115,852	39.6%	7,839	17.7	6.6
MSN	71,286	3.0%	611	158.7	4.8
VCB	69,291	10.3%	1,878	15.9	1.6
VIC	68,217	47.7%	7,379	10.2	3.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,297	6.6%	886	18.7	1.2
PVS	12,329	21.0%	3,568	7.7	1.5
SQC	8,602	-1.5%	-188	-	6.4
SHB	8,241	7.6%	854	10.9	0.8
VCG	6,670	10.0%	1,233	12.2	1.2

LỊCH SỰ KIỆN TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
3/7/2014	3/7/2014	3/7/2014	3/7/2014	SDI	Kết quả kinh doanh năm sơ bộ
3/7/2014	3/7/2014	3/7/2014	3/7/2014	TNB	Kết quả kinh doanh năm sơ bộ
3/7/2014	3/7/2014	3/7/2014	3/7/2014	NET	Kết quả kinh doanh năm sơ bộ
3/7/2014	3/7/2014	3/7/2014	3/7/2014	MCC	Kết quả kinh doanh năm chính thức
3/7/2014	3/7/2014	3/7/2014	3/7/2014	MSN	Họp Hội đồng Quản trị
3/7/2014	3/7/2014	3/7/2014	3/7/2014	TRA	Họp Hội đồng Quản trị
2/13/2014	3/8/2014	2/19/2014	2/17/2014	APS	Đại hội Đồng Cổ đông
2/11/2014	3/8/2014	2/13/2014	2/11/2014	VCC	Đại hội Đồng Cổ đông
1/17/2014	3/8/2014	1/24/2014	1/22/2014	PRC	Đại hội Đồng Cổ đông
2/19/2014	3/8/2014	1/21/2014	1/17/2014	SGD	Đại hội Đồng Cổ đông
12/20/2013	3/8/2014	1/10/2014	1/8/2014	DST	Đại hội Đồng Cổ đông
1/17/2014	3/8/2014	2/7/2014	1/27/2014	ADC	Đại hội Đồng Cổ đông
2/18/2014	3/9/2014	2/28/2014	2/26/2014	TCL	Đại hội Đồng Cổ đông
1/25/2014	3/10/2014	2/12/2014	2/10/2014	STS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2/14/2014	3/10/2014	2/21/2014	2/19/2014	CTB	Trả cổ tức bằng tiền mặt
1/15/2014	3/10/2014	2/24/2014	2/20/2014	GMC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/7/2014	3/10/2014	3/7/2014	3/7/2014	CMC	Thay đổi BLĐ
3/4/2014	3/10/2014	3/7/2014	3/7/2014	SD9	Niêm yết thêm
1/27/2014	3/11/2014	2/17/2014	2/13/2014	TIE	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6/7/2013	3/11/2014	3/7/2014	3/7/2014	CTG	Niêm yết thêm
3/3/2014	3/11/2014	3/11/2014	3/7/2014	SD3	Đại hội Đồng Cổ đông
3/4/2014	3/11/2014	3/11/2014	3/7/2014	KSQ	Đại hội Đồng Cổ đông
1/2/2014	3/12/2014	1/16/2014	1/14/2014	PHR	Đại hội Đồng Cổ đông
3/3/2014	3/12/2014	3/12/2014	3/10/2014	SD7	Đại hội Đồng Cổ đông
2/11/2014	3/12/2014	2/28/2014	2/26/2014	DSN	Trả cổ tức bằng tiền mặt
1/17/2014	3/12/2014	1/27/2014	1/23/2014	CMS	Đại hội Đồng Cổ đông
3/4/2014	3/12/2014	3/12/2014	3/10/2014	HPC	Đại hội Đồng Cổ đông
2/27/2014	3/13/2014	3/4/2014	2/28/2014	MTH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8/12/2013	3/14/2014	3/1/2013	2/27/2013	CDC	Thay đổi về : Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/3/2014	3/14/2014	3/14/2014	3/12/2014	SDY	Đại hội Đồng Cổ đông



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)